

LỄ HỘI ĐỀN TRONG SINH HOẠT VĂN HOÁ CỦA NGƯỜI VIỆT Ở THƯỢNG DU YÊN THẾ

BÙI VĂN THÀNH

Yên Thế là huyện miền núi của tỉnh Hà Bắc cũ, nay là tỉnh Bắc Giang, nằm bên hữu ngạn sông Thương về phía Tây Bắc của tỉnh lỵ. Nguồn sinh sống chủ yếu của người dân là canh tác nông nghiệp và khai thác rừng. Yên Thế có 5 dân tộc cùng chung sống là Kinh, Tày, Nùng, Dao, Sán Chay, trong đó người Kinh chiếm phần đông.

Là một huyện miền núi có nhiều dân tộc nên cũng có nhiều tín ngưỡng, tôn giáo. Người dân chủ yếu theo tín ngưỡng dân gian bản địa, sau đó Lão giáo, Phật giáo và Thiên chúa giáo.

Yên Thế có chế độ địa lý, khí hậu phức tạp, với bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông rõ rệt. Rừng núi chiếm 3/4 diện tích tự nhiên, là nơi hiểm trở "*rừng thiêng nước độc*" nên xưa kia Yên Thế thường là nơi tụ tập nhiều thành phần bất hảo trong xã hội thuộc giới giang hồ, trộm cướp, đồng thời cũng là nơi tụ nghĩa của nhiều anh hùng, nghĩa dũng.

1. Vị thế, không gian, thời gian mở hội

Nghiên cứu lễ hội đền trong sinh hoạt văn hoá của người Việt ở thượng du Yên Thế, chúng tôi thấy, từ xa xưa hàng năm, nơi đây đã diễn ra các lễ hội tại khu vực Cầu Gồ, thuộc trung tâm hai xã Tam Hiệp và Phồn Xương. Hai xã này xưa kia, mỗi xã đều có hai đền và hai chùa (xã Phồn Xương có đền Am Gà và đền Phồn Xương, Chùa Lèo và chùa Phồn Xương. Xã Tam Hiệp đền Cô và đền Gốc Chanh, chùa Hom và chùa Thanh Yên). Hệ thống đền và chùa của hai xã này nằm cách trung tâm Cầu Gồ không xa lắm, xa nhất là chùa Lèo và đền Cô cũng chỉ chừng 2,5km, gần nhất là đền và chùa Phồn Xương ở đây đã có từ rất lâu, riêng Chùa được xây dựng từ thời Lý. Ở Chùa Hom những năm 1900 đường lên chùa còn những cây thông to, có đường kính ba, bốn người ôm chưa hết. Ngày nay trên địa bàn hai xã chỉ còn lại chùa Lèo, chùa Phồn Xương, đền Phồn Xương và đền Cô ở xã Tam Hiệp. Số còn lại bị huỷ hoại, nay chỉ còn nền móng và gạch ngói đổ vỡ.

Về thời gian mở hội của nhân dân địa phương xưa kia như sau:

- Ngày 4 tháng Giêng âm lịch hội đền Am Gà.
- Ngày 5 tháng Giêng âm lịch hội đền Phồn Xương.
- Ngày 15 tháng Giêng âm lịch hội đền Gốc Chanh.
- Ngày 23 tháng Giêng âm lịch hội đền Cô.

Như vậy, với bán kính 2,5km, xoay quanh *tứ thị Cầu Gồ* đã có tới bốn lễ hội đền, được diễn ra hầu như suốt cả tháng Giêng âm lịch.

Ở hệ thống đền trên, nhân dân địa phương đều thờ Đức Thánh Mẫu Thượng Ngàn. Nhân dân đi lễ hội đền, đồng thời đi hội chùa lễ Phật.

Trong cuộc chiến tranh Lê- Mạc ở thế kỷ XV, tại đền Cô, đã có hai liệt nữ thuộc tôn thất nhà Lê, do quyết không để mình bị tướng nhà Mạc bắt, hãm hại, nên đã tuẫn tiết tại sau đền. Tương truyền do linh ứng và rất thiêng, nên nhân dân đã lập đền thờ hai cô. Vì vậy có tên gọi là đền Cô.

Nghi lễ của các hội được tổ chức giản đơn, có những nét giống nhau vì đền thờ Mẫu Thượng Ngàn.

Một điểm tương đồng khác là bốn ngôi đền đều nằm trên bốn sườn đồi và mỗi đền có một cây đa to với đường kính rộng từ năm đến mười người ôm. Nay chỉ còn hai cây đa ở hai đền Am Gà và đền Cô.

Quan sát thế đất, hướng đền, chùa, chúng tôi thấy phía trước mặt đền đều rất phóng khoáng, rộng rãi, có suối nhỏ chảy uốn lượn, ôm vòng, hai bên tả hữu, đều có núi đồi cân đối, sau đền, chùa, là núi, đồi cao trùng điệp, thật là cảnh sơn thủy hữu tình. Có thể nói những nơi này đều là nơi được chọn lựa kỹ càng.

2. Nghi lễ cúng thánh cầu may

Các nghi lễ của hội đền đều do một người giỏi giang trong việc cúng tế đứng đầu, hoặc có thể là thủ đền. Thủ đền có trách nhiệm phân công con nhang thu dọn vệ sinh, trang trí, sửa sang lại đền, đồng thời chuẩn bị đèn nhang và đồ tế lễ trước khi ngày hội vào đám.

Ở gian chính giữa của đền có bàn thờ cao dần vào phía trong, còn gọi là hậu cung, cao nhất thờ tượng Thánh Mẫu Thượng Ngàn. Lớp thứ hai ban dưới thấp hơn thờ các cô, các cậu. Lớp thứ ba thấp nhất sát mặt đất thờ Thổ thần, Thổ địa. Bên tả thờ thần Rắn lục xà hoặc bạch xà; bên hữu thờ thần Hồ. Thần Hồ ở bốn đền đều có màu sắc khác nhau như hổ vàng vằn ở đền Am Gà; hổ xám vằn ở đền Phồn Xương; hổ đen vằn ở đền Góc Chanh; hổ trắng vằn ở đền Cô. Đây là một đặc điểm về thờ thần Hồ của nhân dân ở khu vực này.

Ngoài ra còn có mũ, mào, áo, nón, hia, hài, kiếm cung, cờ, tán... với đủ các màu sắc đa dạng và phong phú.

Đồ tế lễ bao gồm cả lễ chay lẫn lễ mặn như hương hoa, xôi, gà, rượu, thịt lợn, thịt bò, trứng quả thuốc Lào, thuốc lá, trầu cau... Có thể nói những thứ gì con người trần tục dùng được, ăn được, đều được đem dâng làm đồ lễ thánh, không phân biệt sang hèn, lớn hay nhỏ, của người giàu hay nghèo. Tất cả vật phẩm đó đều được dâng làm lễ thánh, sau đó cùng nhau thụ hưởng, và lấy một phần nhỏ cho những người có mặt là đệ tử, con nhang mang về sau khi hành lễ, gọi là lộc thánh, với quan niệm là "một miếng lộc thánh bằng một gánh lộc trần".

Sau khi sửa soạn lễ vật chu tất cho cuộc hành lễ, người chủ lễ đốt đèn, thắp nhang và cuộc hành lễ bắt đầu. Thủ đền làm lễ, khán đại ý như sau:

Nam mô-a-di-đà-phật, con lạy chín phương trời, lạy mười phương phật, hôm nay ngày... tháng... năm.. là ngày lành, tháng tốt, tiết xuân (hoặc thu) dân làng chúng con (nếu cá nhân làm lễ cho mình thì xưng là con) một lòng thành tâm sắm sửa lễ vật gồm hương, đăng, trà, quả, rượu, thịt, xôi gà... làm lễ kính dâng lên đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, cùng đức Thánh Mẫu Thượng Ngàn linh thiêng, kính mong đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, đức thánh Mẫu Thượng Ngàn ra tay cứu giúp dân lành, tiêu trừ giặc dã, bệnh tật, ốm đau, phù hộ cho trăm dân mạnh khỏe, an khang thịnh vượng, mùa màng tốt tươi, nắng mưa thuận hoà, ngàn rừng xanh mát;

cháu con mạnh giỏi, tài năng, bảo vệ xã tắc, non sông gấm vóc vững bền, làm cho dân an, vật thịnh, của cải ngày càng tăng tiến. Kính mong Đức Ngọc Hoàng cùng Thánh Mẫu chỉ giáo để cho dân làng chúng con sửa mình ngay được ngay chính. Kính đức Ngọc Hoàng cùng Thánh Mẫu Thượng Ngàn linh cảm nhận lễ, thụ hưởng, ban phước và phù hộ cho dân con. Nam mô-a-di-đà phật. (3 lần).

Sau khi khấn xong, chủ lễ dùng một chiếc đĩa nhỏ và hai đồng tiền đồng cổ, tay trái cầm đĩa và trên hai đầu ngón trỏ và giữa của tay phải là hai đồng tiền tròn, một mặt đen, một mặt trắng; cùng lúc miệng khấn vừa dứt, tay phải tung nhẹ hai đồng tiền lên, sao cho tiền rơi xuống đĩa tiền đã nằm im trên đĩa, chủ lễ xem tiền, nếu hai đồng tiền nằm ngửa, tức cùng mặt tiền sáng lên trên, như thế là thánh đang cười. Ngược lại nếu hai đồng tiền cùng sấp, tức mặt đen của hai đồng tiền nằm ngửa lên trên, như vậy là Thánh đang mắng và quở trách. Cả hai trường hợp này được gọi là sấp cả, hoặc ngửa cả, đều nói rằng Thánh chưa chấp nhận lễ và lời thỉnh cầu. Như vậy chủ lễ phải xem xét lại lễ vật, nghi lễ thỉnh cầu... Có gì chưa nghiêm, chưa đầy đủ, hoặc xem lại tâm của mình đã trong sáng chưa, đã lòng thành chưa, còn gì băn khoăn vướng mắc, chưa thanh thoát, còn vấn đục vấn vương điều gì...

Trong trường hợp trên, chủ lễ phải tiếp tục khấn vái cầu xin Thần Thánh tiếp, khi nào hai đồng tiền một sấp, một ngửa, mới được coi là Thánh đã ứng, chấp nhận và bằng lòng với lời thỉnh cầu đó của dân làng, hoặc của cá nhân.

Hình thức nghi lễ cầu xin trên được gọi là "lễ xin âm dương". Sau khi xin âm dương được Thánh chấp nhận chủ lễ có trách nhiệm báo già làng, người cao tuổi nhất, rằng lễ vật và lời thỉnh cầu của làng đã được Thánh bằng lòng ưng thuận. Nếu bị quở trách thì Thánh quở trách mấy lần cũng cần phải trình rõ.

Căn cứ vào tình hình trên, dân làng biết rằng năm nay làng làm ăn thuận hoà, may mắn, phúc lộc dồi dào, hoặc trong năm sẽ có tai hoạ, mất mùa, ốm đau, bệnh tật, trộm cắp, hoặc trong làng sẽ mất đoàn kết... Nếu đang khi hành lễ, nển đèn bị tắt thì cho đó là tai hoạ lớn đối với làng. Từ những thông tin trên, già làng thông báo cho toàn dân làng biết để răn, sửa mình, giáo dục con cái trong gia đình sống ngay thẳng, chăm sóc việc làng, đoàn kết, thương yêu giúp đỡ nhau; ai có tâm ác thì tự mình phải gột bỏ, để cho tâm đức ngay chính. Người ta cho rằng, có như vậy phúc đức của dân làng và của gia đình mới bền, mới dân an, vật thịnh. Bằng không dân làng không biết bảo nhau sống trái với tâm đức, làm điều gian tà, độc ác thì sẽ bị Thánh Thần trừng phạt, trời sẽ giáng tai hoạ xuống cho dân làng.

3. Hành lễ văn nghệ đền

Sau khi cuộc hành lễ cúng Thần Thánh xong, thủ đền, chủ lễ cùng các con nhang, đệ tử chuẩn bị cho cuộc hành lễ văn nghệ của nhà đền. (Chúng tôi gọi là văn nghệ đền).

Theo quan niệm dân gian, nếu như trong cuộc hành lễ cầu cúng Thần Thánh, được tổ chức trang nghiêm bằng những hành vi hành lễ, lời thỉnh cầu từ trái tim, bằng tấm lòng chân thật của người hành lễ, bằng tất cả sự mong mỏi, lòng nhiệt thành với tâm huyết đạt đến đỉnh cao về tinh thần, thì ở cuộc hành lễ văn nghệ đền cũng không kém phần linh thiêng, huyền bí, thậm chí trong cuộc hành lễ này, những lời được coi như có cách phát ra từ một người nào đó, có thể được xem như lời truyền dạy của Thần Thánh thông qua con nhang, và con nhang có trách nhiệm phải chuyển tải thông tin của Thần Thánh cho mọi người. Người ta cho như vậy là

Thánh ứng báo; Thánh Thần mượn thân xác con nhang, để truyền dạy hay phán xét, khen hay chê, trách mắng hay quở phạt một người cụ thể nào đó, hoặc một nhóm người, một cộng đồng người nào khác. Cuộc hành lễ văn nghệ đền diễn biến như sau:

Trang phục của những người hành lễ khá đa dạng và phong phú, bao gồm khăn, nón, mũ, áo ngắn, áo dài, quần dài, hia, hài, dày dép, đồ trang sức như vòng đeo cổ, vòng đeo tay, đeo tai... Đây là trang phục chỉ dùng trong cuộc hành lễ ở lễ hội đền, nhất là cuộc hành lễ văn nghệ đền, không dùng vào việc gì khác. Nhìn chung những bộ quần áo này có nhiều màu sắc khác nhau xanh, đỏ, tím, vàng, lơ... khăn, mũ, áo, quần, dày dép, hia hài, đều được trang trí đẹp, thêu dệt long, ly, qui, phượng, cùng các hoa văn khác nhau. Chất liệu dùng để trang trí là chỉ màu ngũ sắc, hạt xoàn, vàng, bạc thật hoặc giả, được chế tạo tinh vi, dùng trang trí cho áo, khăn, mũ nón, hoặc hia hài. Vải dùng may những đồ phục lễ này là sa tanh, lụa màu... được chọn lựa theo ý thích của người mặc hành lễ.

Nhìn chung sắc phục mặc trong cuộc hành lễ ở lễ hội đền rất đa dạng, phong phú, với nhiều kiểu cách khác nhau, tùy tâm lý, sở thích của người tham gia hành lễ văn nghệ mà tự may sắm cho mình một bộ đồ theo ý muốn.

Nếu trong cuộc cầu khẩn, cúng bái thần linh chỉ sử dụng việc thỉnh chuông làm nhạc cụ duy nhất trong quá trình hành lễ, thì ở cuộc hành lễ văn nghệ này lại huy động tới đa các nhạc cụ dân gian truyền thống như sáo trúc, nhị, hồ, sênh, phách, trống cái, trống khẩu, mõ, thanh la, chũm chọe, đàn nguyệt, đàn tam, đàn bầu, thậm chí về sau này còn dùng cả đàn măng-đô-lin, antô, ác-mô-ni-ca. Các điệu nhạc được sử dụng trong quá trình hành lễ văn nghệ, rất uyển chuyển, tùy tâm trạng của người được coi là Thánh ứng; Người được coi là Thánh ứng có tâm trạng như cười, nói, khóc, buồn rầu hay ca hát, hoặc nghiêm khắc.... như thế nào, thì nhạc cụ sẽ được tấu lên một cách tương ứng như thế ấy. Thường thì ban nhạc thuộc khá nhiều làn điệu như lưu thủy, lâm khốc, sinh tiền, và các điệu cung văn, chèo cổ, dân ca Bắc Bộ...

Nhạc công là những tay nhạc cừ khôi của làng, hoặc từ nơi khác tới. Những nhạc công này vào dịp lễ hội đền, thường hợp tác chặt chẽ với nhau, đã tạo thành ban nhạc chuyên của hội đền, hết hội đền này lại đi hội đền khác. Về tay đàn, những nhạc công này rất vững vàng trong giai điệu, tiết tấu âm nhạc cũng như biểu cảm, diễn tả tâm trạng nhân vật bằng âm thanh của nhạc cụ. Đó là tinh thần của nhạc công được cất cánh thăng hoa trong quá trình tham gia hành lễ văn nghệ đền. Họ cố gắng đạt đến đỉnh cao trong thể hiện biểu diễn âm nhạc khi hành lễ; chính họ, những nhạc công này, đã tham gia tích cực, quên mình trong quá trình hành lễ; họ đã tạo nên những "âm thanh Thân Thánh" làm cho không gian, không khí lễ hội trở nên linh thiêng, kỳ bí, đồng thời đẩy sinh hoạt văn nghệ đền, đạt tới đỉnh cao của văn hoá dân dã bản địa.

Tất cả mọi người đều chuẩn bị cho cuộc hành lễ văn nghệ nhà đền. Thủ đền và các đệ tử, con nhang sửa soạn lại lễ vật, đốt thêm đèn, nến màu; vắn lại khăn, mũ, mặc lại áo quần, đi hia hài, dày dép... chuẩn bị thêm trâu cau, rượu, thịt, thuốc lá, thuốc lào, bánh kẹo...

Lễ vật dâng cúng để trên bàn thờ trang trọng và cố định. Lễ vật mở đầu cho cuộc hành lễ văn nghệ đền, là lễ vật mới. Nhìn chung lễ vật dâng cúng được sắm sửa đa dạng và phong phú, không câu nệ to nhỏ, lớn bé, sang, hèn... Phàm ai có lễ vật gì, đều có thể dâng cúng lễ vật đó. ai không có lễ mặn, lễ chay, thì có thể đội lễ đen, tức đặt lễ bằng tiền mặt. Lễ tiền mặt cũng tùy tâm, không nhất thiết phải cố định bao nhiêu.

Bắt đầu cuộc lễ, ban nhạc cử hành điệu nhạc lưu thủy, hoặc một điệu cung văn nào đó. Một người quần áo, khăn mũ chỉnh tề, đại diện cho cộng đồng lên dâng lễ. Lễ được đặt trên mâm đồng, hoặc mâm gỗ sơn son thếp vàng. Lễ vật gồm xôi trắng, hoặc xôi màu hồng, một con gà trống mổ moi, luộc chín, mổ ngậm bông lựu đỏ, đặt trên mâm xôi; một cút rượu, một nhánh cau, vài ba lá trầu, có thể thêm một gói thuốc lào, hoặc một phong thuốc lá. Người đại diện cho cộng đồng đội mâm lễ trên đầu, hai tay đốt và cầm nhang, từ từ tiến bước theo tiếng nhạc và trống một cách cung kính, tạo thành một vòng tròn khép kín trong gian giữa của đền. Đến trung tâm gian giữa, từ từ quỳ xuống, chắp tay hương khấn vái với nội dung như sau:

Nam mô-a-di-đà-phật; Nam mô Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Nam mô đức Mẫu Thượng Ngàn muôn vàn cung kính, dân làng chúng con nhân dịp tiết xuân (thu) ngày lành, tháng tốt, sắm sửa lễ nghi, hương đăng phẩm vật, xôi, thịt, rượu, trà, cùng hoa quả chốn sơn lâm, kính dâng lên đức tối linh, cầu mong được được mưa thuận, gió hoà, quốc thái, dân an, vật thịnh, người người vui tươi, trên thuận ý trời, dưới hợp lòng đất, cúi xin đáng tối linh hiệu ứng, chỉ giáo cho dân con soi tỏ việc trầu cau, thiện, ác phân minh, cho dân làng an khang thịnh vượng, Nam mô-a-di-đà Phật (3 lần).

Sau khi khấn xong, người đội lễ từ từ đứng lên tiến về ban thờ, đặt lễ vật lên ban, lùi lại ba bước, vái ba vái, trong khi nhạc lễ vẫn tiếp tục. Lúc này những người tham gia cuộc lễ bắt đầu đội lễ, tay thấp nhang đi vòng quanh người đại diện cộng đồng vừa làm lễ xong. Tiết tấu âm nhạc vẫn tiếp tục và ngày một thôi thúc quyến rũ hơn, mạnh mẽ hơn. Trong quá trình hành lễ này, mọi người tự do suy nghĩ, lựa chọn cho mình những sở thích, thú vui riêng như hút thuốc lá, ăn trầu, uống rượu... hoặc có thể hát một bài ca, một câu đối, câu vãn, có thể cười hoặc nói vấn đề gì mà mình thích và hướng thú. Trong quá trình này, người tham gia hành lễ tung hương, có thể nhảy múa, và làm những động tác kỳ lạ mà thường ngày họ không bao giờ làm. Trong khi hành lễ và quá trình hứng thú nhảy múa, thì đột nhiên có người cười to, hoặc nói to, người ta cho đó là điệu cười, giọng nói của vua chúa, của Ngọc Thánh hoặc của Thần Thánh nào đó; lúc này thực sự họ đã nhập vai nào đó, họ không còn là họ thường ngày, họ là những vị nhân, những Thần Thánh. Những Thần Thánh bắt đầu nói những lời có cánh, những lời linh thiêng. Khi có một người nào đó, bỗng nhiên có những hành vi như vậy thì mọi người xung quanh và người tham gia hành lễ cho rằng Thần Thánh đã giáng ứng vào người đó; khi thấy ngôn ngữ nói, hành vi, điệu bộ giống Ngọc Hoàng thì bảo nhau mang quần áo Ngọc Hoàng thay mặc cho người đó, nếu người đó gặt đầu, tán thành, ban khen thì như vậy đúng là Ngọc Hoàng giáng ứng. Nếu người đó lắc đầu, đòi uống rượu, hay đòi ăn thứ gì đó... thì mọi người có thể hiểu rằng đã có Thánh Cậu ứng nhập. Nếu người đó đòi ăn uống, đòi mặc các đồ phục của nữ, thì mọi người phải phục tùng, chiều chuộng, và như vậy là Thánh Cô, hoặc Thánh Mẫu đã "ứng báo". Trong trường hợp này, mọi người tham gia đều có cử chỉ và ngôn ngữ lễ phép, cung kính với người được "Thánh ứng", chẳng hạn như chắp tay vái, miệng nói tấu lạy Cô hoặc tấu lạy Cậu, hoặc tấu lạy ngài, chúng con người trần mắt thịt không biết gì xin ngài (hoặc Cô, Cậu, Thánh Mẫu) chỉ giáo, dạy bảo, nếu có điều gì không phải xin ngài (Cô, Cậu) dạy bảo. Lúc này người nhập vai là Thánh, hay người được Thánh ứng sai bảo như mang cho ta rượu, mang cho ta nước, hoặc thuốc lá... mọi người phải dâng rượu, thuốc, bánh... cho Thánh, Thánh thụ hưởng và cho phép mọi người cùng ăn, uống tùy thích. Thánh hoặc Ngọc Hoàng, Cô hoặc Cậu có thể nói những lời tiên tri hay, dở trong năm...

Trong quá trình hành lễ văn nghệ này, có người đóng là Ngọc Hoàng, hoặc là Thánh Mẫu... Theo tín ngưỡng dân gian thì Ngọc Hoàng hoặc Thánh Mẫu, ứng vào một người nào đó, thì người đó có tư thế, dáng điệu, cử chỉ, ngôn ngữ, sắc phục... phải được thể hiện là một Ngọc Hoàng Thượng Đế, hoặc như Thánh Mẫu, Thánh Cô, Cậu... Chẳng hạn Ngọc Hoàng, hoặc Thánh Mẫu... nói "Bớ thần dân trăm họ, năm nay vì tội lỗi của các người rất nhiều, lẽ ra ta sẽ trừng phạt các người nặng nề, song vì muôn loài, ta không nỡ phạt, vậy các người hãy mau sửa tâm tính, chịu khó làm ăn, thương yêu nhau, chăm sóc con trẻ, tránh làm điều ác, tích đức làm việc thiện...". Lúc này các con nhang đóng làm thần dân vâng dạ, tấu lạy Ngọc Hoàng hoặc tấu lạy Đức Mẫu... anh minh soi xét cho chúng con.

Sau khi Ngọc Hoàng Thượng Đế ứng xuống trần gian, mượn thân xác ai đó để nói lời của Thượng Đế với dân chúng, dân chúng lễ bái, nghênh đón và thỉnh cầu xong, thì Ngọc Hoàng lại "lên trời". Hành vi này, dân chúng gọi là "Ngọc Hoàng thăng", nếu là Thánh thì gọi là "Thánh thăng".

Sau khi Ngọc Hoàng hoặc Thánh Thăng, không khí trong cuộc có sự lắng xuống, mang tính đời thường hơn. Nhưng ngay sau đó, trong tiếng nhạc, với không gian thâm nghiêm, mùi hương trầm thơm ngát, với ánh sáng màu sắc lung linh, huyền ảo của đèn, nến, những sắc màu quần áo, hia hài, sặc sỡ, những người tham dự cuộc lễ thấy mình như đang sống ở nơi cực lạc, thần tiên nào đó, và họ lại tiếp tục nhảy múa, cười nói, ăn uống... Đêm càng khuya, họ càng say sưa với những phút, giờ tự do đầy hứng khởi, và như thế lại có một vị Thánh nào đó giáng lâm, ứng vào người nào đó. Họ lại thay, mặc quần áo và tiếp tục cuộc vui thực mà hư, hư mà thực. Rượu nồng càng uống, càng say, và say trong tiếng nhạc, trong không khí lễ hội. Lúc này họ thấy mình hoàn toàn tự do, không còn bị mặc cảm của đời thường ràng buộc.

Mọi sự đối đáp, dù là câu nói, hay bài ca, hoặc câu thơ, câu đối giữa người làm dân với đáng tối linh là Ngọc Hoàng, Thánh Mẫu... cũng đều cung kính, lễ phép tôn nghiêm, không sàm sỡ, tục tĩu. Tất cả những lời văn này đều được họ ứng tác tại chỗ, không có sự chuẩn bị về ngôn ngữ viết hay kịch bản sân khấu nào. Tất cả đều được ứng tác một cách mau lẹ đến tài tình, phải chăng đây là những giờ phút, là thời gian trí tuệ dân đã được hun đúc bởi ngày thường và cuộc sống đời thường, nay đến ngày hội, và giờ phút ấy, trí tuệ ấy mới thực sự thăng hoa. Quá trình này dần dần đã góp phần làm nên bản sắc văn hoá, tín ngưỡng bản địa của người Việt, nó đã trở thành sinh hoạt văn hoá trong những ngày lễ hội ở đền.

Hình thức sinh hoạt văn hoá đền vừa thiêng liêng, vừa trần tục, vừa thực, vừa hư. Người nhập vai Thần Thánh đã mượn cái hư, cái linh thiêng của Thần, cái uy của Thánh, để nói cái thực ở đời, răn dạy người đời, điều chỉnh các hành vi văn hoá của con người, bỏ tà quy chính, tương thân, tương ái và yêu thương nhau.

Sinh hoạt văn hoá đền, với thời gian, không gian của lễ hội, người dân lao động đã vượt qua các lễ giáo, luật lệ của làng, nước, để tự do thể hiện chính mình, thể hiện tư tưởng cao cả của tự do, bác ái, dân sinh, thể hiện tính nhân văn của tầng lớp thị dân lao động. Họ ước muốn có ngày vinh quang, có ngày làm vua, làm Thần Thánh để trừng trị những kẻ tham lam, độc ác, để giúp dân mạnh giỏi tài ba, để trừng phạt những quan lang tham lam tàn bạo. Đó là ước muốn, là hoài bão khát khao muôn đời của người lao động bình dân. Ở đây người lao động đã mượn thời gian hội hè, mượn tiếng nói của Thần Thánh linh thiêng, tạo ra thời điểm tự do nhất, mạnh nhất cho cá nhân, cho cộng đồng, để cùng nhau vui chơi nhảy múa, cùng nhau ăn uống,

và cùng nhau làm Thần Thánh, trong sáng tạo đầy thăng hoa. Không phải ai khác, chính họ đã tự thoả mãn nhu cầu văn hoá cao cả của mình và cho chính mình, đồng thời tạo nên tín ngưỡng, tôn giáo riêng, có bản sắc văn hoá riêng của dân tộc mình.

Lễ hội đền kéo dài ít nhất là 5 ngày, nhiều là cả tháng, trung bình là 15 ngày. Chính hội thường chỉ có một ngày. Những người trẩy hội đền thường làm lễ cầu may, cầu tài lộc, và cầu con với người nào hiếm con, do đó hội đã kéo dài trong nhiều ngày nhằm thoả mãn nhu cầu giản dị đời thường của người dân lao động.

4 - Nghiên cứu lễ hội đền trong sinh hoạt văn hoá của người Việt ở thượng du Yên Thế, bước đầu chúng tôi thấy:

4.1. Về vị thế, không gian lễ hội, các ngôi đền, chùa thuộc không gian lễ hội nằm trong xã Phồn Xương, xã Tam Hiệp, nơi diễn ra lễ hội đã trở thành một hệ thống liên hoàn, cách nhau không xa, nằm cạnh trung tâm khu vực Cầu Gồ, thuận tiện giao thông, giao lưu giữa Bó Hạ, Nhã Nam, Cầu Gồ, Mỏ Trạng, có nét tương đồng về bản chất lễ hội, đó là tín ngưỡng thờ Mẫu Thượng Ngàn, tức thờ Mẹ núi rừng.

Hệ thống đền được xây dựng trên thế đất dựa vào thuyết phong thuỷ, là những nơi đất hẹp, sơn thuỷ hữu tình, tả có thanh long, hữu có bạch hổ, tiền có án, hậu có trẩm, xung quanh có các gò, núi, sông, suối là các chứng ứng, cờ, trống, long, ly, qui, phương... Đó là truyền thống kiến trúc trong xây dựng của người Việt (kinh).

4.2. Về việc thờ tự và tín ngưỡng ở các đền Phồn Xương, đền Gốc Chanh, đền Cô và đền Am Gà, là tín ngưỡng thờ Mẫu Thượng Ngàn, một trong những tín ngưỡng thờ Mẫu được người Việt (kinh) tôn thờ, một tín ngưỡng đạt đến đỉnh cao của tự do, bình đẳng, bác ái và nhân văn một cách dân dã. Đồng thời tín ngưỡng, tôn giáo đó góp phần tạo nên bản sắc văn hoá của người Việt.

Các hoạt động văn nghệ mang màu sắc tín ngưỡng dân gian ở đền của Người Việt, là một dạng văn nghệ đặc biệt, văn nghệ nhà đền. Đó là một đặc điểm sinh hoạt văn hoá tín ngưỡng tâm linh của người Việt, được diễn ra tại đền nhân ngày lễ hội. Xưa nay có một số người vẫn gọi loại hình văn nghệ này là lên đồng, hầu bóng hay đồng bóng, đồng cốt.

4.3. Các hoạt động văn nghệ, tín ngưỡng trong lễ hội đền đều thể hiện khát vọng, tự do, bình đẳng, không phân biệt giai cấp, sang hèn, giàu, nghèo giữa con người với nhau, giữa con người với trời đất, Thánh Thần, thể hiện nhân sinh quan, vũ trụ quan, Thiên-Địa-Nhân hợp nhất. Đó là ước mơ giản dị nhưng cũng cao xa của người Việt trồng lúa nước ở thượng du Yên Thế. Đồng thời giáo dục mọi người không làm điều ác, không gian tham, sống thương yêu nhau và làm điều tốt lành. Đó là tư tưởng nhân văn cao cả của người dân lao động được biểu cảm thông qua tín ngưỡng thờ Mẫu và được diễn ra ở lễ hội đền.

4.4. Sinh hoạt văn hoá trong lễ hội đền của người Việt ở thượng du Yên Thế, đã góp phần điều chỉnh các hành vi văn hoá cá nhân và văn hoá cộng đồng. Nó củng cố mối quan hệ, sự đoàn kết của cộng đồng làng, xã, đồng thời đáp ứng và thoả mãn nhu cầu sinh hoạt văn hoá tín ngưỡng - tâm linh cho cá nhân cũng như văn hoá cho cộng đồng.